

TUẦN 6

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt dưới cờ: **Tổng kết hoạt động Viết câu chuyện của tôi** (tiết 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận diện được sự thay đổi của bản thân thông qua các tư liệu, các sản phẩm được lưu giữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động mở đầu: Khởi động (3 - 5')

- Chào cờ, hát quốc ca, đội ca, ổn định chỗ ngồi.

2. Hoạt động thực hành, luyện tập (20 - 25')

- Giáo viên tổ chức cho HS chia sẻ câu chuyện trước lớp.
- HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.
- GV nhắc nhở HS ngồi đúng vị trí, tập trung nghe bạn trình bày.
- GV mời một số HS bày tỏ cảm nghĩ khi nghe câu chuyện của bạn.
- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc của bản thân khi tham gia tổ chức sự kiện.
- GV tổng kết chương trình, khen thưởng các HS đã thực hiện và đạt kết quả tốt

3. Hoạt động tổng kết, dặn dò (3 - 5')

- GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học. Giao nhiệm vụ chuẩn bị cho tiết học sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 11: HANG SƠN ĐOÒNG - NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

ĐỌC: HANG SƠN ĐOÒNG - NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ (Tiết 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc đúng, rõ ràng bài *Hang Sơn Đoòng- những điều kì thú*, ngữ điệu phù hợp, thể hiện sự say mê, ngưỡng mộ với vẻ đẹp kì vĩ của hang động được mệnh danh là đẹp nhất hành tinh; biết ngắt, nghỉ hơi hợp lí.

- Đọc hiểu: Nhận biết được những thông tin nổi bật: niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang. Nhận biết được các thông tin nổi bật, hiểu nội dung của đoạn và văn bản, bộc lộ được ý kiến của bản thân về những thông tin đã tiếp nhận được sau khi đọc văn bản. Nhận biết được những thông tin nổi bật về hang Sơn Đoòng (niên đại của hang, độ lớn của hang và hệ sinh thái đặc biệt của hang), biết phân bố bố cục của văn bản, tìm được ý chính trong mỗi đoạn, hiểu được nội dung của từng đoạn, cũng như chủ đề của toàn bài đọc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (4 – 5')

Giới thiệu về chủ điểm.

- GV cho HS hát và khởi động theo nhạc trước khi vào học
- GV có thể hỏi HS: Các em biết gì về Hang Sơn Đoòng, hang nằm ở tỉnh nào?
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới: *Vào năm 1991, có một người nông dân địa phương tên là Hồ Khanh vào rừng tìm kiếm cây cỏ. Đang đi trong rừng, ông bắt chợt gặp một cơn mưa lớn. Ông vội vàng tìm chỗ trú mưa. Không ngờ nơi ông trú mưa chính là cửa hang Sơn Đoòng - một trong những tác phẩm hang động xuất sắc nhất của tạo hoá.*

Vào năm 2009, khi đoàn thám hiểm Hiệp hội Hang động Hoàng Gia Anh đến Quảng Bình, ông Hồ Khanh đã báo tin này cho họ. Họ đã đi sâu vào hang và phát hiện ra nhiều điều kì thú. Hãy cùng đọc văn bản để xem hang Sơn Đoòng năm giữ những kỉ lục nào?

2. Hoạt động Khám phá (18 – 20’)

a. Luyện đọc

- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, thể sự tự hào, say mê, thích thú, tự hào, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, chú ý chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ quan trọng trong văn bản.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.

? Theo các em, những phần in đậm này là gì?

- GV chia đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến ngay dưới mặt đất.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến 40 tầng.

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

- GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *Sơn Đoòng, vết đứt gãy, Rào Thương, sầm uất,...*

- GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Hang Sơn Đoòng/ được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn,/ bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục/ trong một khoảng thời gian dài (từ 2 đến 5 triệu năm)//

- GV HD đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm toàn bài, biết thay đổi ngữ điệu thể sự tự hào, say mê, thích thú.

- GV mời HS luyện đọc diễn cảm nhóm đôi.

- GV nhận xét tuyên dương.

b. Tìm hiểu bài

*** Giải nghĩa từ.**

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)

+ Rừng nguyên sinh là rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị tác động bởi con người, chưa làm thay đổi cấu trúc của rừng.

*** Trả lời câu hỏi:**

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?

Những câu in đậm cho biết 3 nội dung chính của bài, cũng là 3 điều kì thú về hang Sơn Đoòng: niên đại của hang (đoạn 2); độ lớn của hang (đoạn 3); hệ sinh thái đặc biệt của hang (đoạn 4).

+ Câu 2: Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?

Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu: hang được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn, bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong một khoảng thời gian dài (từ 2 đến 5 triệu năm). Quá trình đó đã tạo nên một “lỗ hổng khổng lồ” ngay dưới mặt đất.

? Quá trình hình thành này cho thấy điều gì?

- Cho thấy hang Sơn Đoòng có bề dày lịch sử lâu dài

+ Câu 3: Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?

- Những chi tiết cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn là: (1) chiều dài ước tính 9 ki-lô-mét; (2) thể tích 38,5 triệu mét khối, (3) có thể chứa tới 68 máy bay Bô-ing 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những toà nhà cao 40 tầng.

+ Câu 4: Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.

+ Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt, nguyên sơ. Trong hang có cả một khu rừng nguyên sinh với động thực vật rất phong phú và khác lạ. Cụ thể: thực vật rất mỏng manh, động vật không có mắt và cơ thể trong suốt.

+ Câu 5: Tương tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.

+ Xin được chào quý khách, đến với hang Sơn Đoòng hôm nay, em xin giới thiệu với quý khách một danh lam thắng cảnh tự nhiên tuyệt vời của Việt Nam. Hang Sơn Đoòng là một trong những hang có nhiều ấn tượng, được rất nhiều cơ quan ghi nhận và cấp bằng kỉ lục: Vào năm 2013, hang Sơn Đoòng được ghi nhận là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới; Năm 2014, hang được bình chọn là một trong 52 điểm du lịch hấp dẫn nhất thế giới; Năm 2020, được vinh danh là một trong 20 kì quan phá vỡ kỉ lục tự nhiên. Hi vọng nơi đây có thể thoả mãn nhãn quan của quý khách, mời quý khách cùng tiến vào bên trong hang để thăm thú.

- GV nhận xét, tuyên dương

- GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học.

- GV nhận xét và chốt:

Hang Sơn Đoòng với những ấn tượng về sự hình thành, sự công nhận của thế giới về một di tích bậc nhất thế giới và bất ngờ với hệ sinh thái của hang – thực sự là một niềm tự hào to lớn, sự khâm phục trước khả năng tạo tác thiên nhiên của người dân Việt Nam nói riêng, khu vực và thế giới nói chung.

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (5 – 7')

Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện, làm việc cả lớp:

+ GV mời đại diện 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

+ GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

+ GV hướng dẫn HS đọc theo cặp hoặc nhóm 3 em.

+ Yêu cầu HS đọc theo cặp

- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (2 – 3’)

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú”
- Nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 11: HANG SƠN ĐOÒNG - NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ ĐỒNG NGHĨA (Tiết 37)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách sử dụng từ đồng nghĩa một cách phù hợp ngữ cảnh.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua chọn từ ngữ.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- Trò chơi: Gv chiếu một số từ ngữ cho HS nhận biết từ ngữ nào có nghĩa tương đồng nhau

-1 số từ: cha, mẹ, má, u, bầm, tàu hoả, thầy, xe lửa, hồ, hùm, cộp, bố

Theo em, các từ có nghĩa tương đồng (giống nhau) như vậy được gọi là từ gì?

- GV dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25-27')

Bài 1. Trò chơi

Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây (**lớn, nơi, ước, lượt, yên, lành**).

a. Ngày tháng **tốt**

b. Năm **lần** bảy

c. Sóng biển **lặng**

d. **Cầu** được thấy

e. Dao **to** búa

g. Đi đến về đến **chôn**

- GV yêu cầu HS đọc đầu bài .

-HS đọc đầu bài

a.Ngày **lành** tháng **tốt**

b.Năm **lần** bảy **lượt**

c.Sóng **yên** biển **lặng**

d.**Cầu** được **ước** thấy

e.Dao **to** búa **lớn**

f. Đi đến **nơi** về đến **chôn**

- GV cùng cả lớp tổng kết trò chơi, trao thưởng, tuyên dương các đội thắng.

- GV nhận xét chung trò chơi.

Câu 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây.

Góc sân **nhỏ nhỏ** mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em **trông**

Thấy trời xanh biếc **mênh mông**

Cánh cò chợp trắng trên sông Kinh Thầy...

-GV yêu cầu 1 HS đọc đầu bài

-GV cho HS thảo luận nhóm đôi trình bày trước lớp.

- Nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, trình bày trước lớp.

Góc sân **be bé** mới xây

Chiều chiều em đứng nơi này em **coi**

Thấy trời xanh biếc **bao la**

Cánh cò chợp trắng trên sông Kinh Thầy...

-HS nhận xét, bổ sung

-GV nhận xét, tuyên dương

-GV cho HS hiểu được các từ đồng nghĩa sử dụng trong đoạn thơ.

Ngoài ra:

+ Đồng nghĩa với **nhỏ nhỏ** có thể : *nhỏ bé, bé nhỏ, be bé,...*

+ Đồng nghĩa với **trông** có thể : *nhìn, xem, coi,...*

+ Đồng nghĩa với **mênh mông** có thể : *bao la, bát ngát, mông mênh,...*

Bài 3: Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

-GV mời 1 HS đọc bài tập 3

-GV hướng dẫn cách thực hiện

-GV yêu cầu HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi

-HS làm việc cá nhân- thảo luận nhóm

-Nhóm báo cáo kết quả

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới.

*Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã **khô cằn** bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ẩm áp, **trong lành**. Mặt đất lại dịu **mềm**, lại cằn mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã*

*mang lại cho cây **sức sống** tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.*

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, tuyên dương

Bài 4: Viết đoạn văn (4-5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2-3 từ đồng nghĩa.

- GV mời 1 HS đọc bài tập 4

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập.

- HS làm việc cá nhân

- HS đọc bài trước lớp

VD: Một buổi sáng, em thức dậy ngắm nhìn những bông hoa vườn mình bừng tỉnh đón ánh nắng mặt trời. Nắng xuyên qua kẽ lá, làm thủng những chồi lộc xanh biếc. Đâu đó, những chú chim vành khuyên cất tiếng hót cao vời vợi, líu lo hát vang lanh lảnh. Cứ vậy, dàn đồng ca nắng và chim đua nhau, chen chúc gọi mời ngày mới đến.

-GV nhận xét, tuyên dương

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.

+ Chia lớp thành 2 nhóm, một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)

+ Yêu cầu các nhóm:

1 nhóm đưa từ

1 nhóm nêu từ đồng nghĩa với từ nhóm kia đưa ra và đổi lại. Đội nào nêu và trả lời được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)

- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

Bài 11: HANG SƠN ĐOÒNG - NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

VIẾT: VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiết 38)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết các cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả phong cảnh.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn Bốn mùa trong ánh nước theo cách của mình.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS khởi động bằng bài hát “Đất nước tươi đẹp”.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25 – 27')

Bài 1: So sánh các cách mở bài và kết bài.

- GV yêu cầu HS đọc bài 1
- Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách mở bài?
- Giống nhau: Hai cách mở bài đều giới thiệu tên phong cảnh, cũng là địa điểm có phong cảnh và những cảnh vật nổi bật, để lại ấn tượng cho mọi người nhất (nơi có nhiều hoa, nhiều thông và nhiều hồ nước đẹp).
- Khác nhau: + Mở bài trực tiếp: ngắn gọn nhưng hàm súc, dễ nhớ và tạo ấn tượng mạnh.
+ Mở bài gián tiếp: đoạn văn có nhiều câu hơn, có nhiều thông tin hơn.
- HS khác nhận xét
- Nêu những điểm giống nhau và điểm khác nhau trong 2 cách kết bài?

- Giống nhau: Hai cách kết bài đều nhấn mạnh lại ấn tượng về vẻ đẹp của phong cảnh.
Mỗi cách kết bài đều có cái hay riêng.

- Khác nhau:

+ Kết bài không mở rộng: ngắn gọn, súc tích, gây ấn tượng với người đọc.

+ Kết bài mở rộng: làm cho ý của kết bài phong phú hơn, tạo kết nối với người đọc dễ dàng hơn.

- GV nhận xét, tuyên dương, kết luận

Bài 2: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Bốn mùa trong ánh nước*.

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách viết mở bài và kết bài tả cây cối, tả con vật đã học

- GV hướng dẫn HS viết: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu phong cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả trong bài./...; Để viết kết bài mở rộng, có thể giải thích vì sao người dân mọi miền đất nước về thăm Hà Nội bao giờ cũng đến hồ Hoàn Kiếm, hoặc tưởng tượng sau này lớn lên và nhớ về hồ Hoàn Kiếm cùng những kỉ niệm đã có với hồ Hoàn Kiếm, /...

- GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương

Bài 3: Trao đổi (Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.)

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài

- GV hướng dẫn HS dựa vào những cách mở bài và kết bài mà đã viết và những gợi ý trong sách để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

- GV gọi HS nêu cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả phong cảnh.

- HS nêu

Cách viết mở bài gián tiếp	Nhớ về một số nơi có phong cảnh đẹp em từng đến thăm hoặc được xem trên ti vi, trong tranh ảnh,...
	Nghe một bài hát hoặc đọc một bài thơ, bài văn,... có nhắc đến vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...
	Nhắc đến cuộc thi giới thiệu một phong cảnh của quê hương, đất nước mình đã chứng kiến hoặc tham gia,...
	Nói về một kỉ niệm với người thân, với bạn bè,... gắn với phong cảnh được miêu tả.
	...
Cách viết kết bài mở rộng	Nghĩ về những người thầm lặng góp sức, chung tay giữ gìn, bảo vệ vẻ đẹp của cảnh vật thiên nhiên,...
	Tưởng tượng về những thay đổi của cảnh vật thiên nhiên theo thời gian,...
	Giải thích vì sao những cảnh đẹp thiên nhiên luôn được nhiều người yêu thích, tới thăm.
	Tưởng tượng sau này lớn lên sẽ làm gì để góp phần làm cho phong cảnh đẹp thêm.
	...

-GV nhận xét,tuyên dương

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5’)

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

1/ Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài mở bài và kết bài sáng tạo.

2/ Chia sẻ với người thân nội dung mở bài và kết bài em đã viết.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

ĐỌC: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG (Tiết 39 + 40)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc đúng và diễn cảm bài Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, giàu sức gợi tả, gợi cảm, giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

- Đọc hiểu: Biết cách viết các đoạn văn trong bài văn tả phong cảnh (cách triển khai ý, cách lựa chọn từ ngữ, cách sử dụng biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh). Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: vẻ đẹp kì thú như “trời bầy đất đặt” của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long. Cảm nhận được cách sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá... của tác giả trong việc miêu tả hình dáng, sự sắp xếp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV đưa bức tranh về Vịnh Hạ Long

? Nêu cảm nhận của mình về cảnh vật trong bức ảnh.

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV nhắc HS và dẫn dắt quan sát tranh giới thiệu khái quát vào bài mới.

2. Hoạt động Khám phá (25 – 30’)

2.1. Luyện đọc đúng.

- GV đọc mẫu lần 1: đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

- GV HD đọc: Đọc đúng các từ ngữ chưa tiếng dễ phát âm sai

- Gọi 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn:
 - + Đoạn 1: Từ đầu đến phượng múa
 - + Đoạn 2: Tiếp theo đến phơi lưới
 - + Đoạn 3: Tiếp theo đến huyện bí
 - + Đoạn 4: Còn lại
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: (“ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển với chân trời”; “lúc neo thuyền, phơi lưới”; “ông lão trầm tĩnh”,...)
- GV hướng dẫn luyện đọc những câu dài: (Chiếu đoạn 1 hướng dẫn đọc)

*Có chỗ đảo dần ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập,/ xa trông như quân cờ bày
chon von trên mặt biển.*

*Có hòn trông như đôi gà /đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước/ (hòn Gà Chọi); có
hòn bề thế như mái nhà/ (hòn Mái Khà);/ có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ
giếng/ (hòn Con Cóc) c có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá/ (hòn Ông Lã Vọng).*
- GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn
- HS đọc cá nhân
 - GV nhận xét tuyên dương.

2.2. Luyện đọc diễn cảm.

- GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.
- Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).
- GV theo dõi sửa sai.
- Thi đọc diễn cảm trước lớp:
 - + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.

+ GV nhận xét tuyên dương

2.3. Luyện đọc toàn bài.

- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)

- GV mời HS luyện đọc theo cặp.

- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai)

- GV nhận xét chung.

3. Hoạt động luyện tập, thực hành (25 – 30’)

a. Giải nghĩa từ.

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.

- Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh họa (nếu có)

Trường thành: bức thành dài và vững chắc

+ Khơi: vùng biển xa bờ.

+ Lộng: vùng biển gần bờ

+ *Khuất khúc*, có nhiều đoạn quanh co, gấp khúc.

+ *Chon von*: trơ trọi ở trên cao, không có chỗ dựa chắc chắn.

b. Trả lời câu hỏi

- GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,...

- GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?

+ Câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long: Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng châu, phượng múa.

+ Câu văn này giúp người đọc hình dung được toàn cảnh vịnh Hạ Long: vịnh rất rộng với hàng nghìn đảo; những hòn đảo được tạo hoá xếp đặt rất đẹp mắt.

+ Câu 2: Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?

+ Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt rất thú vị. Bằng biện pháp so sánh hoặc nhân hoá, tác giả đã giúp người đọc hình dung sự thú vị đó.

Trên một diện tích hẹp, mọc lên <i>hàng nghìn đảo nhấp nhô, khuất khúc như rồng chầu, phượng múa</i>	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
<i>Đảo có chỗ sìng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi</i> , ngăn khơi với lộng, nổi mặt biển VỚI chân trời.	Câu văn sử dụng biện pháp so sánh.
Có cho <i>đảo dàn ra thưa thớt</i> , hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông <i>như quân cờ bày chon von trên mặt biển</i> .	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.
Có chỗ <i>đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới</i>	Câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá và so sánh.

+ Câu 3: Dựa vào bài đọc, em. hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.

+ Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thập thoág hình ảnh của sự sống.

Có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc).	Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Lã Vọng).	Có hòn như ông lão trâm chỉnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng).
---	---	--

+ Câu 4: Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được “chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá”?

+ Khi ngắm đảo ở Hạ Long, tác giả có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá vì hình dáng mỗi hòn đảo trên vịnh Hạ Long đều

giống hình người hoặc vật quen thuộc (hình ảnh mái nhà, hình ảnh ông lão ngồi câu cá, hình con cóc, con gà, con rùa, con thiên nga,...). Những hòn đảo tụ họp lại bên nhau làm hiện lên thấp thoáng hình ảnh của sự sống là vậy.

Câu 5: Chủ đề của bài “Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long” là gì? Chọn đáp án đúng.

- A. Vẻ đẹp kĩ thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.
- B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long.
- C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách.
- D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên.

- HS chọn đáp án: A

- GV nhận xét, tuyên dương.

- GV yêu cầu HS nêu ND bài học.

- GV nhận xét, chốt ND:

Bài đọc đã khắc họa lên một bức tranh Hạ Long với những hang đảo có vẻ đẹp kỳ thú, đầy sự sống động và những sự tích huyền bí.

c. Luyện đọc lại

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài:

+ Làm việc cả lớp:

- GV mời đại diện HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.
- GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.
- GV hướng dẫn HS đọc theo cặp hoặc nhóm.

+ Làm việc cá nhân: Tự đọc thầm diễn cảm lại bài

- GV mời đại diện 1 HS đọc diễn cảm toàn bài trước lớp.

d. Luyện tập theo văn bản.

Luyện tập sau khi đọc

- GV cho nhóm đôi thực hiện và tổ chức trình bày trước lớp.

Câu 1: Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long: *nhấp nhô, sừng sững, thưa thớt, chon von, xúm xít, chông chênh.*

- Thảo luận thống nhất trình bày trước lớp:

+ Các từ có âm đầu hoặc vần giống nhau, tạo sự độc đáo về âm điệu khi đọc, đồng thời các từ này đều giàu sức gợi tả, giúp người đọc hình dung được hình dáng, sự xếp đặt thú vị của các hòn đảo trên vịnh.

Câu 2: Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.

Ngắm nhìn, quần tụ, vững chắc, trầm lặng, vững chãi, quây quần, chiêm ngưỡng, trầm lặng,

+ Cặp từ đồng nghĩa:

- trầm tĩnh, trầm lặng
- quần tụ, quây quần
- vững chắc, vững chãi

ngắm nhìn, chiêm ngưỡng

Câu 3: Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài

- HS đặt câu:

Dân cư quần tụ đông đúc dọc hai bên bờ sông.

Cả gia đình quây quần bên nhau cùng thưởng thức bữa tối âm cúng.

- GV cho HS nhận xét, GV nhận xét, tuyên dương

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “*Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long*”.

- Nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà đọc lại bài chia sẻ với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

VIẾT: QUAN SÁT PHONG CẢNH (Tiết 41)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết viết bài văn quan sát phong cảnh.
- Nhận biết được quan sát phong cảnh theo đúng trình tự.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS nhắc lại cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt theo trình tự như thế nào?

Nêu những chi tiết em còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Khám phá (7 – 8')

Bài 1: Chuẩn bị :

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị

- 2 HS đọc các bước chuẩn bị; Cả lớp lắng nghe.


- HS đọc yêu cầu và gợi ý trước lớp

? Để quan sát tranh phong cảnh cần chuẩn bị những gì?


+ Lựa chọn cách quan sát trực tiếp hoặc qua tranh ảnh,...

+ Lựa chọn trình tự quan sát

a. Theo không gian:

- Từ bao quát toàn cảnh đến từng chi tiết, từng bộ phận (hoặc ngược lại)
- Từ gần đến xa (hoặc ngược lại)
- Từ trái qua phải (hoặc ngược lại)
- 

b. Theo thời gian:

- Theo thời gian trong ngày
- Theo các mùa trong năm
- Theo sự thay đổi của phong cảnh trong mỗi lần quan sát
- 

- GV yêu cầu HS chuẩn bị
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết

3. Hoạt động Luyện tập (15 – 17')

Bài 2: Quan sát và ghi lại kết quả quan sát

- GV yêu cầu HS đọc mẫu và gợi ý trong SGK
- Đọc câu gợi ý
- Cho HS tiến hành thảo luận
- Trình bày trước lớp
- HS nhớ lại kết quả đã quan sát
- Hs ghi vào vở những đặc điểm của phong cảnh được chọn quan sát và miêu tả cần sử dụng các giác quan để nhận biết các đặc điểm của phong cảnh: nhìn ngắm, hình dáng, màu sắc,.....
- HS đọc bài đã ghi chép

Cảnh vật	Hình dáng, kích thước	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	(...)
Dòng suối	uốn lượn,...	trong vắt,...	róc rách,...	(...)	(...)
	uốn lượn như dải lụa mềm mại	trong vắt như pha lê	róc rách, thánh thót như tiếng đàn.	(...)	(...)

-HS khác nhận xét, bổ sung

-GV nhận xét, tuyên dương

3. Trao đổi về kết quả quan sát

-GV yêu cầu HS đọc yêu cầu

-GV nhắc HS Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của phong cảnh được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả phong cảnh, để người đọc nhận rõ được đặc điểm của cảnh vật, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng

-HS chia sẻ kết quả:

Cảnh vật nào được quan sát?

+ Cảnh vật đó có những đặc điểm nào nổi bật?

Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của phong cảnh được quan sát có hợp lí không?

+ Cách miêu tả đặc điểm (sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...) của bạn đã giúp làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh được tả hay chưa?

+ Bạn đã học tập được điều gì từ các bài văn tả phong cảnh đã học?

- Nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét HS trình bày – Tuyên dương và hỗ trợ HS còn gặp khó khăn trong khi trao đổi bài.

- GV kết luận về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát - một khâu quan trọng để viết được bài văn tả phong cảnh hay.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:

Em tiến hành chia sẻ với người thân bài viết của em và trao đổi về những điều em đã tìm hiểu về cách viết về bài văn tả phong cảnh

- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.

- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT

CHỦ ĐỀ: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

BÀI 12: NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

NÓI VÀ NGHE: BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ (Tiết 42)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được chủ đề sắp được thảo luận: bảo tồn các loài động vật hoang dã.
- Biết đánh giá và tôn trọng những bạn kể được câu chuyện thú vị với những chi tiết thú vị, những bạn có cách trình bày hấp dẫn.
- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn: Góp phần bảo vệ các loài động vật hoang dã.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV giới thiệu 1 số bức tranh về các

loài động vật hoang dã; cho HS xem tranh rồi và trả lời câu hỏi:

? Theo em, hiện nay các loài động vật hoang dã đang phải đối diện với vấn đề gì?

- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 – 25')

Bài 1: Chuẩn bị.

- GV mời học sinh đọc yêu cầu

- GV HD:

+ Nhớ lại kể tên một số loài vật hoang dã mà em biết dựa vào những sách báo đã đọc.

+ Làm việc cá nhân:

- 1 HS đọc yêu cầu

- HS làm việc cá nhân:

+ Nhớ lại kể tên loài vật hoang dã yêu thích dựa vào những sách báo đã đọc: giới thiệu về các loài động vật, về

các hoạt động bảo tồn các loài động vật

+ Liệt kê các thông tin quan trọng về thực tế liên quan đến động vật hoang dã hiện nay và những hoạt động để bảo vệ chúng.

- HS Ghi chép ý kiến mình định phát biểu.

- GV theo dõi nhận xét chung

Bài 2: Thảo luận

- Gọi 2 Hs đọc lại yêu cầu của bài học

- HD HS thảo luận nhóm

+ Người điều hành nêu các nội dung cần thảo luận

+ Từng thành viên nêu ý kiến đã chuẩn bị

+ Nhóm nhận xét, cử bạn trình bày trước lớp

-Tiến hành trình bày trước lớp

-Nhóm thảo luận các nội dung

- + Giới thiệu tên nội dung chính thảo luận và lí do cần bảo vệ động vật hoang dã.
- + Chia sẻ những chi tiết thú vị cần bảo vệ động vật hoang dã.
- + Nêu suy nghĩ cảm xúc của mình về những động vật hoang dã cần bảo vệ
- Lớp nhận xét
- Bạn điều hành tổng hợp các ý kiến và rút kinh nghiệm về buổi thảo luận.
- GV cho HS điều hành, rút kinh nghiệm.

Bài 3. Đánh giá

- GV cho HS bình chọn
- GV đánh giá kết quả học tập của Hs theo 2 nội dung :
 - + Những thông tin quan trọng đối với việc bảo tồn động vật hoang dã.
 - + Những ý kiến hay về việc làm thế nào để bảo tồn động vật hoang dã.
- GV giới thiệu thêm một số câu chuyện thú vị về động vật hoang dã để Hs biết mà tìm đọc.

3. Đánh giá.

- HS bình chọn người kể được nhiều chi tiết thú vị nhất, người trình bày ý kiến hấp dẫn nhất, người tham gia thảo luận tích cực nhất,...
- GV đánh giá kết quả học tập; có thể giới thiệu thêm một vài câu chuyện thú vị khác (hoặc cuốn sách có nhiều câu chuyện thú vị) để HS cùng biết và tìm đọc.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:
- Em tiến hành chia sẻ với người thân của em và trao đổi về câu chuyện em nghe thú vị nhất
- GV đánh giá nhận xét, tuyên dương.
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CÔ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA (Tiết 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Ôn tập về từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.
- Tìm được các từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa trong bài đọc ‘Hai nàng công chúa’.
- Tìm được từ không cùng nhóm với các từ còn lại trong nhóm.
- Chọn và viết được từ phù hợp trong ngữ cảnh cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng, phiếu BT

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5’)

- GV cho Hs xem video và tìm một số từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm của sự vật được thể hiện qua video.
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:
 - + Giúp học sinh củng cố kiến thức về danh từ, động từ, tính từ, rèn kỹ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập.

2. Hoạt động Luyện tập, thực hành (22 – 25’)

Hoạt động 1:

- GV yêu cầu Hs nhắc lại thế nào là từ đồng nghĩa, trái nghĩa?
- Cho ví dụ?

Hoạt động 2: HDHS làm bài tập trong phiếu BT.

- Đọc lại nội dung bài tập, nêu nội dung cần ôn tập trong tiết học.
- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.
- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

Bài 1: Đặt câu với mỗi từ đồng nghĩa sau:

- a) Ăn, xơi;
- b) Biếu, tặng.
- c) Chết, mất.

Bài 2: Điền từ đồng nghĩa thích hợp vào những câu sau.

- Các từ cần điền: **cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô**.
- Mặt hồ ... gợn sóng.
- Sóng biển ...xô vào bờ.
- Sóng lượn ...trên mặt sông.

Đáp án:

- Mặt hồ **lăn tăn** gợn sóng.
- Sóng biển **cuồn cuộn** xô vào bờ.
- Sóng lượn **nhấp nhô** trên mặt sông.

Bài 3: Tìm từ đồng nghĩa trong các câu sau:

- a) Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ
Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi.
- b) Việt Nam đất nước ta ơi!
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
- c) Đây suối Lê-nin, kia núi Mác
Hai tay xây dựng một sơn hà.
- d) Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông

Bài 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: *Bé bỏng, nhỏ con, bé con, nhỏ nhắn*.

- a) Còn.....gì nữa mà nũng nịu. (*bé bỏng*)
- b)lại đây chú bảo! (*bé con*)

- c) Thân hình.....(*nhỏ nhắn*)
d) Ngườinhưng rất khỏe. (*nhỏ con*)

Bài 5: Tìm từ trái nghĩa trong đoạn văn sau.

- a) Ngot bùi nhớ lúc đắng cay,
Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.
b) Đời ta gương vỡ lại lành
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.
c) Đắng cay nay mới ngot bùi
Đường đi muôn dặm đã ngời mai sau.
d) Nơi hầm tối lại là nơi sáng nhất
Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam.

Bài 6: Tìm những cặp từ trái nghĩa trong các câu tục ngữ sau.(gạch chân)

Lá lành đùm lá rách.
Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
Chết đứng còn hơn sống quỳ.
Chết vinh còn hơn sống nhục.
Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5')

- GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng: tìm các từ đồng nghĩa với từ: nhìn, to...
- GV nhận xét tiết dạy.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

TIẾNG VIỆT CÙNG CỐ

ÔN TẬP VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH (Tiết 19 + 20)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Biết cách viết mở bài, kết bài tả phong cảnh.
- Có kĩ năng quan sát, liên tưởng, tưởng tượng các cảnh vật xung quanh.
- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.
- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng
- Phiếu bài tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV cho HS xem đoạn clip về cảnh đẹp đất nước
- GV dẫn dắt vào bài mới
- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

2. Hoạt động luyện tập (63-65')

Bài 1. HS nêu cách viết mở bài và kết bài tả phong cảnh

- So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa cách mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp; kết bài không mở rộng và kết bài mở rộng.
- Gọi Hs đọc YC bài tập.
- Cho Hs trao đổi nhóm đôi, thống nhất ý kiến.

Bài 2. Bài tập điền từ

- GV yêu cầu đọc yêu cầu của bài và xác định yêu cầu trọng tâm.
- Yêu cầu học sinh đọc phần gợi ý.
- YC HS suy nghĩ, chuẩn bị các ý kiến rồi trao đổi với các bạn theo nhóm bàn dựa vào các câu hỏi gợi ý.
- GV mời 3 học sinh đọc đoạn văn.

Hoạt động. Viết đoạn văn mở bài và kết bài tả cảnh sông nước

- Yêu cầu học sinh dựa vào phần tìm ý viết đoạn văn
- GV gọi 4-5 em đọc đoạn văn trước lớp.
- Yêu cầu học sinh nhận xét bài làm của bạn.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và đặt câu cho các em.
- GV thu vở chấm bài cho 1 số em
- Nhận xét chung về bài làm của cả lớp. Khen ngợi các em làm bài tốt. Lưu ý các lỗi học sinh hay mắc phải

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- + Tổ chức cho các em thi đua học tập với các bạn trong lớp
- + Tổ chức thi đua đôi bạn cùng tiến để giúp đỡ nhau cùng tiến bộ
- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI VIỆT NAM

BÀI 4: DÂN CƯ VÀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (Tiết 11+12)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được số dân và so sánh được quy mô dân số Việt Nam với một số nước trong khu vực Đông Nam Á.

- Nhận xét được sự gia tăng dân số ở Việt Nam và một số hậu quả do gia tăng dân số nhanh và phân bố dân cư chưa hợp lí ở Việt Nam, có sử dụng tranh ảnh, biểu đồ hoặc bảng số liệu.
- Kể được tên một số dân tộc ở Việt Nam và kể lại được một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Bày tỏ được thái độ tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá của các dân tộc Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3-5')

- GV cho HS quan sát tranh minh họa và nêu tên dân tộc có trong tranh (Dân tộc Kinh, Tày, Thái, Mường, Ba Na, Chăm).
- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Nước ta có 54 dân tộc, mỗi dân tộc lại có nét đặc sắc riêng. Để tìm hiểu sâu hơn về dân cư và dân tộc, chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay: **Bài 4– Dân cư, dân tộc ở Việt Nam***

2. Hoạt động Hình thành kiến thức: (25-30')

2.3 Tìm hiểu về phân bố dân cư

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, quan sát lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - + *Đọc bảng chú giải, cho biết có mấy mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số như thế nào?*
 - + *Xác định trên lược đồ những khu vực có mật độ dân số cao, các khu vực có mật độ dân số thấp.*
 - + *Phân bố dân cư nước ta có đặc điểm như thế nào?*
 - + *Nêu những hậu quả của việc phân bố dân cư chưa hợp lí.*
- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nêu câu hỏi mở rộng cho HS:

+ Có 5 mức chia mật độ dân số. Màu càng đậm thể hiện mật độ dân số càng cao.

+ Nơi có mật độ dân số cao: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, TP. Hồ Chí Minh.

+ Nơi có mật độ dân số thấp: Kon Tum, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.

+ Nước ta có mật độ dân số khá cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn.

+ Dân cư phân bố không đồng đều dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu lao động; gây khó khăn cho việc khai thác tài nguyên và sử dụng hợp lý nguồn lao động.

- GV cho HS xem thêm một số hình ảnh về các điểm dân cư ở đồng bằng, miền núi, thành thị, nông thôn.

2. 4 Tìm hiểu về dân tộc

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tên các dân tộc sinh sống ở nước ta

- GV giới thiệu cho HS biết: Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống, trong đó, dân tộc Kinh có số dân đông nhất.

- GV chia lớp thành 4 đội chơi và phổ biến luật chơi:

+ HS quyết định đội được kể tên trước bằng cách tung đồng xu mặt sấp ngửa.

+ HS 4 đội chơi nhận số thứ tự của mình.

+ HS của đội đầu tiên kể tên một dân tộc ở Việt Nam. HS số 1 của các đội lần lượt kể tên một dân tộc ở Việt Nam không trùng lặp. HS nối tiếp chơi cho đến hết.

+ HS nói đúng được cộng 10 điểm. HS của đội nào nêu trùng tên sẽ trừ 10 điểm.

+ Đội nào có số điểm cao nhất sẽ chiến thắng.

- GV nhận xét và chuẩn hoá lại tên các dân tộc ở Việt Nam.

+ Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống.

+ Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng thể hiện qua ngôn ngữ, trang phục, ẩm thực, lễ hội...

- GV cho HS xem video về 54 dân tộc Việt Nam:

<https://youtu.be/dLgyAj7IXNY>

Nhiệm vụ 2: Kể lại một số câu chuyện về tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

- GV chia HS thành các nhóm 4 – 6 HS, hướng dẫn HS:

+ Đọc câu chuyện *Đoàn kết dân tộc trong phong trào Cần Vương và Tình cảm yêu thương của đồng bào dân tộc ở Tân Trào đối với Bác Hồ*.

+ Kết hợp với tranh ảnh, tư liệu sưu tầm được, kể với bạn trong nhóm câu chuyện thể hiện tình đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- GV tổ chức cho HS kể chuyện với bạn trong nhóm.

- GV gọi 2 nhóm HS kể chuyện. Các nhóm HS khác quan sát và nhận xét.

- GV nhận xét phần kể chuyện của các nhóm.

- GV cho HS xem video về người anh hùng Núp

<https://youtu.be/053FlcgnToQ>

- GV tổng kết ý nghĩa của việc đoàn kết các dân tộc ở Việt Nam trong thời kì dựng nước, giữ nước và phát triển kinh tế: *Các dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết trong quá trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước*.

- GV cho HS xem video “Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc”

<https://youtu.be/AtbQeFo0c0U>

3. Hoạt động Luyện tập, thực hành (25-30’)

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và thực hiện yêu cầu: *Đọc lược đồ phân bố dân cư Việt Nam năm 2021, hãy kể tên 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số cao nhất và 3 tỉnh, thành phố có mật độ dân số thấp nhất*.

- GV mời đại diện một số HS trình bày trước lớp. Các nhóm khác quan sát, nhận xét.

- GV ghi nhận đáp án hợp lí:

+ *Nơi có mật độ dân số cao: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, TP. Hồ Chí Minh.*

+ Nơi có mật độ dân số thấp: Kon Tum, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn.

4. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3-5')

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu và viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) về một dân tộc ở nước ta (tên, nơi sinh sống, trang phục, lễ hội,...) và chia sẻ với các bạn.*

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trao đổi với GV và các HS khác về bài tập của mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khích lệ HS.

- Nhận xét tiết học

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

ĐẠO ĐỨC

CHỦ ĐỀ: TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC

BÀI 2: EM TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT CỦA NGƯỜI KHÁC (Tiết 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được một số biểu hiện tôn trọng sự khác biệt (về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc) của người khác.

- Biết vì sao phải tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.

- Thể hiện được bằng lời nói, hành động và thái độ tôn trọng sự khác biệt của người khác.

- Không đồng tình với những hành vi phân biệt đối xử vì sự khác biệt về đặc điểm cá nhân, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: File bài giảng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Hoạt động Khởi động (3 – 5')

- GV chuẩn bị một số phiếu ghi thông tin (khoảng 4 phiếu), mỗi phiếu ghi tên 1 HS trong lớp.
- GV chọn một số HS có những điểm khác biệt đặc trưng so với các bạn khác về đặc điểm ngoại hình, giới tính, hoàn cảnh, dân tộc,...
- GV mời 2 HS tham gia (1 nam, 1 nữ), mỗi em bốc 1 phiếu và mô tả đặc điểm của bạn có tên trong phiếu.
- GV mời các bạn còn lại đoán tên của “người bí ẩn” trong phiếu.
- GV nêu câu hỏi cho cả lớp: *Vì sao các em tìm được người bí ẩn trong trò chơi này?*
- GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có)
- GV dẫn dắt HS vào bài học

2. Hoạt động Khám phá (23-25’)

Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện “Màu của cầu vồng” SGK tr.13 rồi thảo luận theo nhóm đôi.
- GV mời 1 HS đọc to câu chuyện trước lớp. HS khác lắng nghe, đọc thầm theo để nắm nội dung câu chuyện.
- GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm đôi:
 - + *Các màu sắc tranh luận với nhau về vấn đề gì?*
 - + *Theo em, vì sao phải tôn trọng sự khác biệt?*
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).
- GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS.
- GV ghi nhận đáp án hợp lí:
 - + *Các màu sắc tranh cãi nhau về vấn đề màu sắc nào là quan trọng nhất và mỗi màu sắc lại đưa ra một lí do để thuyết phục cho quan điểm của mình.*
- *Màu xanh lá – màu nổi bật nhất trên Trái đất.*

- *Màu xanh da trời – bầu trời và đại dương đều là màu xanh da trời.*
- *Màu vàng – Mặt Trời, Mặt Trăng và ngôi sao có thể chiếu sáng màu vàng.*
- *Màu da cam – có lợi cho sức khỏe.*

=> Nhưng khi chúng kết hợp lại trở thành màu sắc của cầu vồng – một thứ kì diệu hơn phiên bản trước đó của các màu sắc.

+ Lí do phải tôn trọng sự khác biệt:

- *Bất cứ ai cũng có những đặc điểm khác biệt với người khác (có thể mở rộng: ngay cả anh chị em sinh đôi cũng khác nhau về tính cách, sở thích,...) nên cần có thái độ tôn trọng sự khác biệt để giao tiếp hiệu quả, tránh xảy ra mâu thuẫn, nhất là các thái độ phân biệt đối xử, kì thị,... - đây là các thái độ tiêu cực làm cho người cùng học tập, cùng làm việc không vui vẻ và hạnh phúc.*
- *Tôn trọng sự khác biệt cũng là cơ hội để học hỏi những điểm mạnh, điểm tốt của người khác, giúp bản thân tiến bộ và hoàn thiện hơn.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp mỗi người biết cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác giúp tăng cường tinh thần hợp tác, đoàn kết và giúp cho xã hội cùng phát triển.*
- *Tôn trọng sự khác biệt của người khác cũng là cách tôn trọng những điểm khác biệt của bản thân.*

- GV cho HS xem video ca khúc “Điều tuyệt vời vời vời”

<https://youtu.be/IJheEMB7dJU>

- GV đặt câu hỏi cho HS:

+ Bài hát gửi gắm thông điệp gì?

+ Em cảm thấy thế nào sau khi nghe ca khúc?

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:

+ Bài hát truyền động lực về một tinh thần sống lạc quan, chân thành và yêu đời đồng thời thể hiện sự tôn trọng những điều khác biệt của bản thân qua câu hát “Vì bạn là một người khác biệt, bạn là duy nhất”.

+ Bài hát giúp người nghe cảm thấy thoải mái, phấn chấn, yêu đời và tự tin vào bản thân hơn.

3. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm (3 – 5’)

- GV tổ chức cho HS: *Hãy kể về một lần em không được người khác tôn trọng sự khác biệt. Khi đó, em cảm thấy như thế nào? Em hãy rút ra bài học từ câu chuyện của bản thân.*

- GV gợi ý cho HS một số hình thức thể hiện:

+ *Tình huống đó xảy ra vào lúc nào, khi nào?*

+ *Tình huống xảy ra thế nào?*

+ *Em xử lý tình huống như thế nào?*

+ *Em rút ra bài học gì cho bản thân?*

- GV mời một số HS trình bày. HS khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS

- GV nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em (tiết 17)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Thông qua hoạt động:

- Thông qua hoạt động, HS sáng tạo được tác phẩm Hành trình khôn lớn để thể hiện những sự thay đổi của bản thân từ nhỏ đến hiện tại.

- Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm Hành trình khôn lớn.

- Thể hiện được sự tự hào về những thay đổi tích cực của bản thân.
- Biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- File bài giảng, tranh ảnh, ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 – 5')

- GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi “***Tôi trưởng thành!***”
- GV phổ biến luật chơi: *Quản trò hô “Tôi trưởng thành! Tôi trưởng thành!”, cả lớp trả lời: “Trưởng thành về điều gì?”. Quản trò sẽ đưa ra yêu cầu: “Trưởng thành vì...” và cả lớp thể hiện yêu cầu của quản trò bằng hành động, trò chơi tiếp tục theo lệnh của quản trò.*
- GV lấy ví dụ để HS hiểu rõ luật chơi:
 - + *Quản trò hô “Trưởng thành vì tự tin hơn” → cả lớp nở nụ cười.*
 - + *Quản trò hô “Trưởng thành vì là người tự tin” → cả lớp đứng thẳng vai, mắt nhìn vào người đối diện.*
- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: *Sau khi chơi xong, em đã thấy được những đặc điểm cho thấy sự trưởng thành của bản thân chưa? Đó là đặc điểm gì?*
- GV giới thiệu và dẫn dắt vào bài học: *Trò chơi giúp em nhận biết được những đặc điểm trưởng thành của bản thân. Những đặc điểm đó thể hiện và biểu hiện thế nào ở mỗi cá nhân, chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay nhé – **Tuần 6 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Sự thay đổi của em.***

2. Hoạt động hình thành kiến thức (20 - 25')

Hoạt động 1: Sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn.

- GV yêu cầu HS chuẩn bị:
 - + Các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.

- + Giấy khổ lớn, bút màu, kéo, hồ dán...
- GV hướng dẫn HS sáng tạo tác phẩm Hành trình khôn lớn theo gợi ý:
 - + Tập hợp các bức ảnh, tư liệu về bản thân được lưu giữ từ nhỏ đến thời điểm hiện tại.
 - + Suy nghĩ về ý tưởng thể hiện tác phẩm có nội dung thể hiện sự thay đổi của bản thân.
 - + Lựa chọn hình thức thể hiện tác phẩm phù hợp: an-bum, tranh vẽ, lược đồ, sơ đồ, truyện tranh...
 - + Vẽ tranh hoặc sắp xếp các bức ảnh, tư liệu về bản thân theo tưởng tượng của em.
 - + Viết chú thích cho các bức tranh, ảnh.
 - + Trang trí tác phẩm thật sinh động, hấp dẫn.
- GV tổ chức cho các nhóm tham gia chơi *Đố bạn*.
- GV cho HS quan sát mẫu SGK tr.19 để tham khảo.



- GV tổ chức cho HS tiến hành sáng tạo tác phẩm *Hành trình khôn lớn* theo ý tưởng của mình.

- GV khen ngợi HS đã tích cực tham gia vào hoạt động sáng tạo tác phẩm *Hành trình khôn lớn* để thể hiện những thay đổi của bản thân.

Hoạt động 2: Triển lãm tác phẩm Hành trình khôn lớn.

Nhiệm vụ 1: Thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm

- GV giới thiệu nội dung, ý nghĩa hoạt động triển lãm các tác phẩm *Hành trình khôn lớn*.
- GV hướng dẫn HS thảo luận và thống nhất ý tưởng trưng bày các tác phẩm.
- GV gợi ý các nhóm trưng bày vào 4 – 6 góc trong lớp học.
- GV hướng dẫn HS sắp xếp các tác phẩm vào khu vực trưng bày.
- GV tổ chức cho HS đi xem tác phẩm của các bạn và tặng sao và dán sticker cho tác phẩm mình yêu thích.

Nhiệm vụ 2: Giới thiệu về sự thay đổi của bản thân thể hiện qua tác phẩm

- GV mời một số HS chia sẻ suy nghĩ và cảm nhận của bản thân sau khi xem triển lãm theo gợi ý:
 - + Em thích tác phẩm của bạn nào nhất? Vì sao?
 - + Em nhận ra bản thân đã thay đổi như thế nào trong hành trình khôn lớn của mình?



- GV kết luận: *Tác phẩm Hành trình khôn lớn thể hiện những thay đổi tích cực trong quá trình khôn lớn và những trưởng thành của các em. Hãy cố gắng tích cực rèn luyện bản thân mỗi ngày để luôn thấy tự hào về bản thân mình nhé!*

3. Hoạt động: Vận dụng trải nghiệm (3 – 5')

Trò chơi đổ bộn!

Câu 1: Theo em, trưởng thành là gì?

- A. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức và hành động.
- B. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ.
- C. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong suy nghĩ và hành động.
- D. Không chỉ là sự lớn lên về thể xác mà còn là sự chín chắn trong nhận thức, suy nghĩ và hành động

Câu 2: Thể chất là gì?

- A. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền.
- B. Là những đặc trưng tương đối ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.
- C. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do điều kiện sống.
- D. Là những đặc trưng ổn định về hình thái và chức năng của cơ thể được hình thành và phát triển do bẩm sinh di truyền và điều kiện sống.

Câu 3: Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái, tính cách. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.
- B. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt hình thái. Yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.
- C. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.
- D. Sự lớn lên về thể chất thể hiện sự biến đổi về mặt đặc điểm, hình thái, tính cách. Những yếu tố đó xuất hiện dần theo thời gian.

Câu 4: Đây là tính từ miêu tả sự thay đổi về dáng vẻ bên ngoài?

- A. Tỉ mỉ.

- B. Chăm chỉ.
- C. Khôn khéo.
- D. Chững chạc.

Câu 5: Theo em, thói quen là quá trình gì?

- A. Luyện tập với cường độ cao trong thời gian quy định.
- B. Thực hiện liên tục, có kế hoạch trong một thời gian dài.
- C. Rèn luyện với tần suất giảm dần trong thời gian ngắn.
- D. Phối hợp giữa học tập và rèn luyện trong thời gian quy định.

- GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét, chốt đáp án:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	B	C	D	B

- Nhận xét, củng cố sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Sinh hoạt lớp: Tọa đàm về chủ đề Em đã khôn lớn (tiết 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chơi hăng hái tham gia sinh hoạt tập thể tại lớp.
- HS tham gia sinh hoạt lớp đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần 5.
- Nắm được kế hoạch tuần 6.
- Thông qua hoạt động, HS tự tin tham gia đóng kịch ứng tác thể hiện được những sự thay đổi của bản thân ở thời điểm hiện tại so với trước đây.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh ảnh, tư liệu tuần học vừa qua.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động (3 - 5')

- GV mở bài hát “Trường em” để khởi động bài học.
- + GV cùng chia sẻ với HS về nội dung bài hát.
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Luyện tập, thực hành (20 - 25')

*** Hoạt động 1: Sơ kết hoạt động trong tuần.**

- GV nhận xét chung về tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
 - Ưu điểm:
 - Các em đi học đầy đủ, đúng giờ.
 - Vệ sinh cá nhân, trường lớp sạch sẽ.
 - Làm bài tập về nhà đầy đủ....
 - Nhược điểm:
 - Tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:
 - + Vẫn còn tồn tại việc nói chuyện riêng trong giờ học.
 - + Còn có những học sinh về nhà chưa làm bài tập.
 - + Có nhiều học sinh chưa chuẩn bị bài trước khi đến lớp....

*** Hoạt động 2: Xếp loại thi đua trong tuần.**

- Các tổ tự bình xét thi đua trong tuần dưới sự điều khiển của tổ trưởng.

*** Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 6**

- Tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia chương trình lớp học xanh.
- Tham gia tích cực trang trí lớp chào đón chuẩn bị năm học mới.
 - Sinh hoạt theo chủ đề:

Hoạt động 2: Tọa đàm về chủ đề Em đã lớn hơn

Nhiệm vụ 1: Tham gia buổi tọa đàm

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho buổi tọa đàm:
- + Phân công một HS dẫn dắt buổi tọa đàm.
- + Kê bàn ghế, sắp xếp lớp học phù hợp với không gian buổi tọa đàm.
- GV hướng dẫn HS tổ chức buổi tọa đàm



Nhiệm vụ 2. Đặt câu hỏi và thảo luận những nội dung liên quan đến chủ đề tọa đàm

- GV tổ chức cho HS đặt câu hỏi và thảo luận những nội dung liên quan đến chủ đề *Em đã lớn hơn*.
- GV gợi ý cho HS cụ thể như sau:
 - + Những thay đổi tích cực của bản thân trong thời gian qua.
 - + Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của em.
 - + Cảm xúc của em về sự thay đổi của bản thân.
 - + Kế hoạch phát triển bản thân trong thời gian tới...
- GV tổ chức cho HS trao đổi, chia sẻ ý kiến về những vấn đề xoay quanh chủ đề buổi tọa đàm.
- GV khuyến khích HS chia sẻ tích cực.
- GV mời một số HS chia sẻ bài học rút ra được sau buổi tọa đàm.

- GV nhận xét và tổng kết hoạt động.
- Dẫn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: (Phụ lục nếu có)

.....

STEM

BÀI 1. ĐÈN ĐỂ BÀN THÔNG MINH(2 Tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA BÀI

- Nêu được tên gọi các bộ phận của đèn để bàn thông minh.
- Đề xuất được các bước lắp ráp đèn để bàn thông minh.
- Thực hành lắp ráp được bộ đồ dùng lắp ráp đèn để bàn thông minh.
- Rèn kĩ năng quan sát, làm việc nhóm.
- Có khả năng vận dụng, sáng tạo.

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tranh ảnh minh họa bài học
- Clip hướng dẫn thực hành.
- Phiếu học tập
- Bộ lắp ráp mô hình Đèn để bàn thông minh

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Bảng dính hai mặt.
- Tranh, ảnh các chi tiết chính của bộ lắp ráp mô hình Đèn để bàn thông minh

III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH KHỞI ĐỘNG (5 phút)

1. Gắn kết hình ảnh đèn để bàn thật và mô hình lắp ráp đèn để bàn thông minh.

- GV cho HS quan sát hình ảnh trong SHS, yêu cầu HS nêu tên thiết bị trong hình.
- GV yêu cầu HS nêu lên lợi ích của thiết bị đó.
- GV mời một số HS trả lời và giới thiệu bài mới.

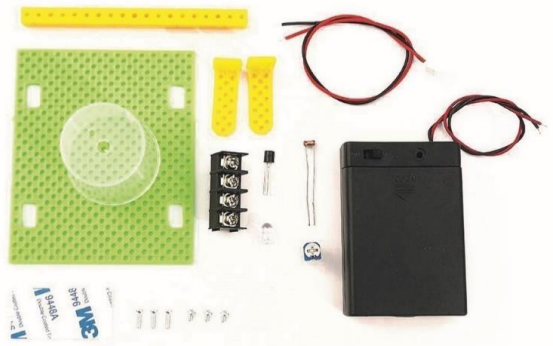
2. KHÁM PHÁ (20 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo của mô hình đèn để bàn thông minh

- GV giới thiệu về cấu tạo mô hình đèn để bàn thông minh (Có thể dùng sản phẩm thật hoặc chiếu trên màn hình).
- Tên gọi: Đèn để bàn thông minh
- GV yêu cầu HS nêu tên các bộ phận của đèn để bàn thông minh.
- GV mời một số HS trả lời và nhận xét chung
- GV giới thiệu nguyên lý làm việc: Đèn sử dụng một mạch chuyển đổi, pin cung cấp năng lượng, dòng điện được điều khiển bởi công tắc. Khi bật công tắc, dòng điện chạy đến đèn LED, năng lượng điện chuyển thành năng lượng ánh sáng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu về các chi tiết của bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh

- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trong SHS.
- GV cho HS quan sát bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.



- GV yêu cầu HS chỉ ra các chi tiết thuộc bộ phận nguồn điện, thân đèn, chân đèn, bóng đèn, chụp đèn.



– GV yêu cầu HS chỉ ra các chi tiết thuộc bộ phận nguồn điện, chân đèn, thân đèn, bóng đèn, chụp đèn.

+ Nguồn điện: cung cấp năng lượng

+ Thân đèn, chân đèn: giữ thẳng bằng cho đèn.

+ Chụp đèn: bảo vệ bóng đèn.

+ Bóng đèn: tạo ra năng lượng ánh sáng

- GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét. GV nhận xét chung.

3. THỰC HÀNH (25 phút)

Hoạt động 3: Lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh

a) Chuẩn bị

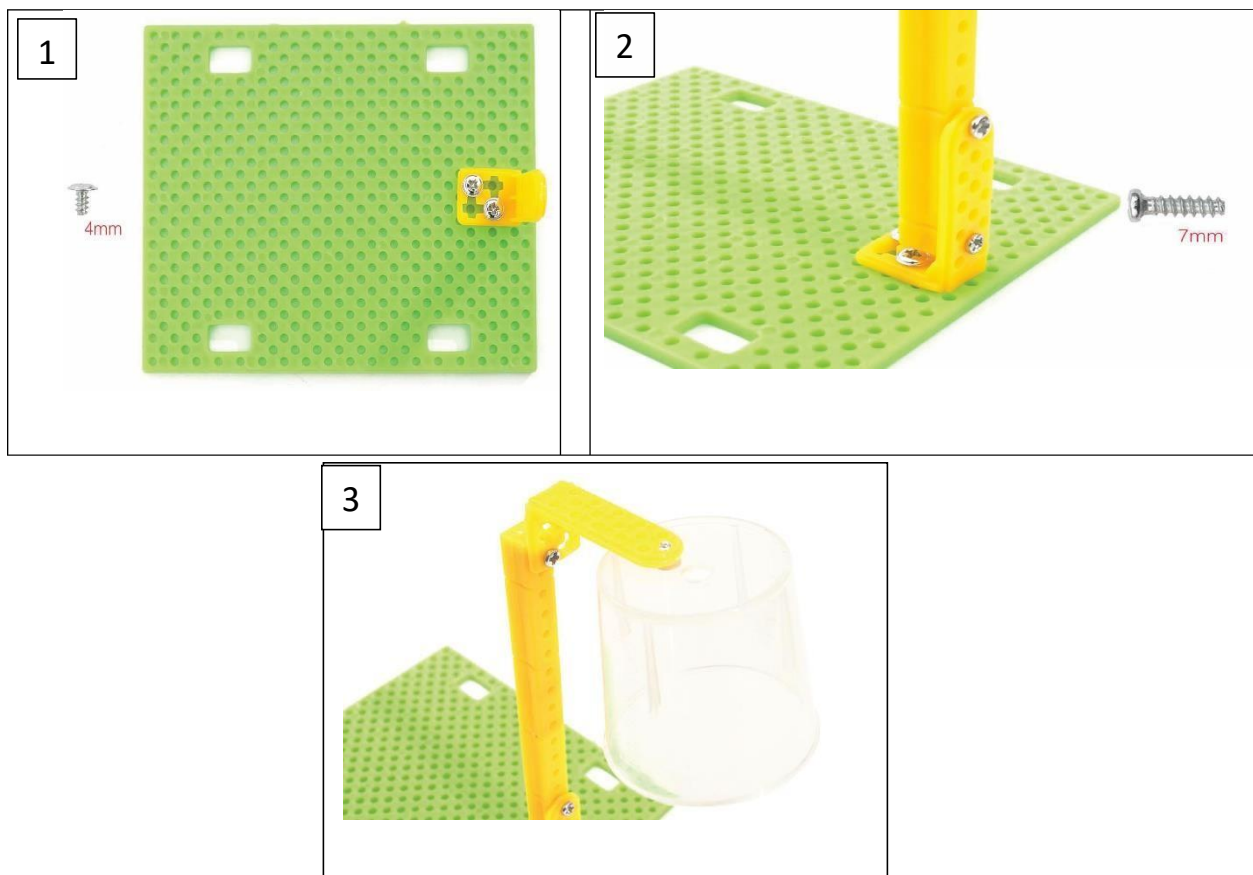
- GV phát cho mỗi HS 1 bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.

- GV yêu cầu HS làm cá nhân, quan sát, các chi tiết trong bộ lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.

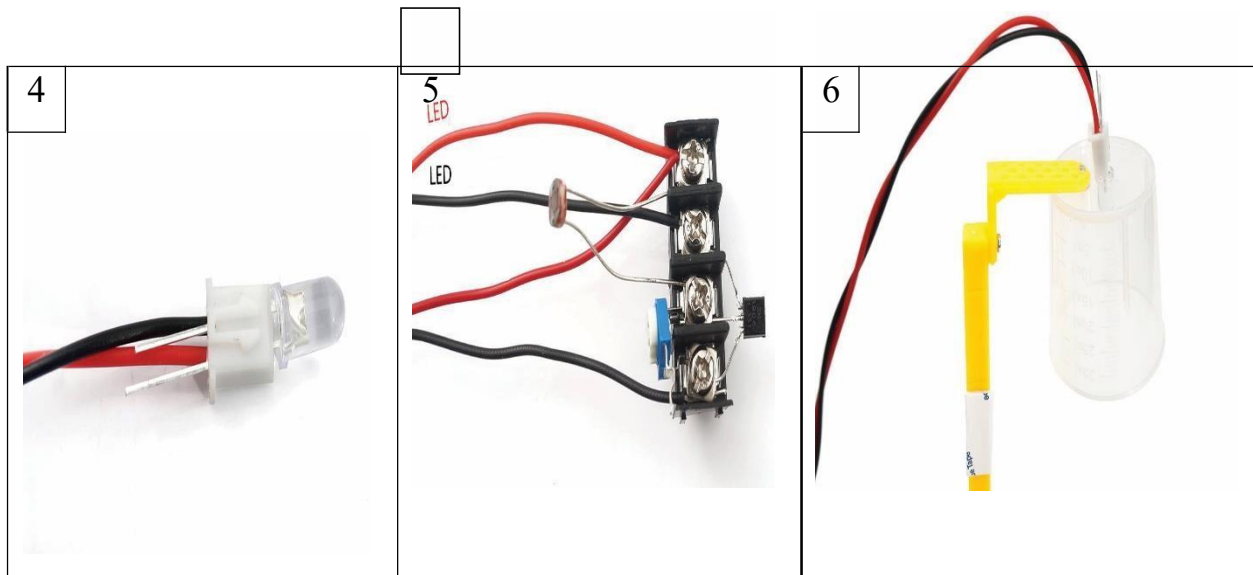
- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, quan sát kiểm tra số lượng các chi tiết cần thiết để lắp ráp.

- Cách thực hiện
- GV Các nhóm, thảo luận cùng xây dựng phương án lắp ráp mô hình đèn để bàn thông minh.
- HS tiến hành lắp ráp theo phương án đã đề xuất.
- GV quan sát và hỗ trợ, đặt câu hỏi gợi ý để HS có thể hoàn thiện được mô hình
- Các có thể tham khảo các bước lắp ráp sau:

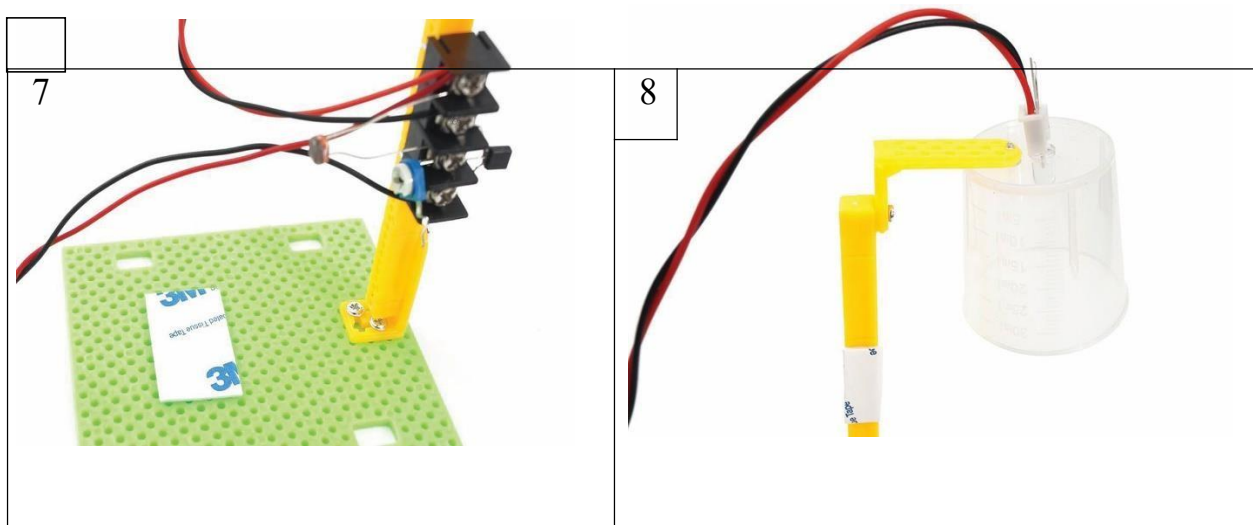
Bước 1: Lắp chân, thân và chụp đèn



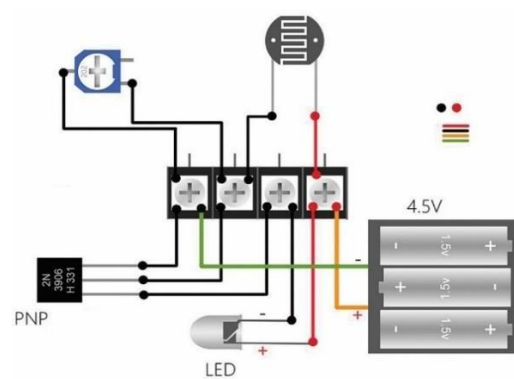
Bước 2: Lắp bóng đèn



Bước 3: Lắp nguồn điện



Gợi ý sơ đồ mạch nối đèn



Hoạt động 4: Chia sẻ và hoàn thiện sản phẩm

- GV mời đại diện một số HS chia sẻ sản phẩm của mình (chọn HS lắp ráp đúng và HS lắp ráp chưa đúng) Các HS khác lắng nghe và góp ý.
- GV và HS cùng nhận xét sản phẩm của các HS lắp ráp đúng và chưa đúng ở từng bước cụ thể.
- Các nhóm hoàn thiện mô hình cho thiết bị hoạt động thử.
- GV yêu cầu các HS chưa hoàn thiện sản phẩm sẽ hoàn thiện sản phẩm (GV có thể yêu cầu các HS làm tốt sang giúp đỡ các bạn chưa hoàn thiện sản phẩm).

III. VẬN DỤNG – MỞ RỘNG (15 phút)

- GV tổ chức cho HS sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí đèn theo từng nhóm.
- GV phát cho mỗi nhóm 1 bộ lắp ráp, tổ chức thi lắp ráp nhanh.

IV. TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ (5 phút)

- GV nhận xét quá trình hoạt động của HS, động viên, khen ngợi HS
 - GV yêu cầu HS về nhà sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí đèn để bàn thông minh.
- GV yêu cầu HS thu dọn đồ dùng vào đúng nơi quy định.

Ký duyệt của khối trưởng

Giáo viên

Cao Thị Huê

Trương Thị Nhất

Ký duyệt của BGH

Lê Công Thắng